**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TÀI CHÍNH**

 **HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

 🙠🙢🙠🙢🙠🙢

#### ĐỖ QUỐC VIỆT

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**Chuyên ngành : Kế toán**

**Mã số : 62.34.03.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2019**

**Công trình được hoàn thành tại: HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**Người hướng dẫn khoa học:**

1. **GS.TS. Nguyễn Đình Đỗ**
2. **PGS.TS. Đỗ Minh Thành**

**Phản biện 1: …………………………………………….**

 **…………………………………………….**

**Phản biện 2: …………………………………………….**

 **…………………………………………….**

**Phản biện 3: …………………………………………….**

 **…………………………………………….**

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại……. Vào hồi….. giờ….ngày….tháng….năm**

**Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:…………………………………….**

**MỞ ĐẦU**

1. **Tính cấp thiết của đề tài**

Trải qua quá trình phát triển, cùng với những thành tích đã đạt được thì trong cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị tại TCT Sông Đà còn bộc lộ một số điểm chưa bắt kịp với sự phát triển của kinh tế thị trường; một số dự án do TCT làm chủ đầu tư chưa phát huy được hiệu quả; hoạt động kiểm tra, kiểm soát tại Công ty mẹ và Công ty con còn hạn chế. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức KTNB tại TCT Sông Đà xét theo hai khía cạnh cơ bản như sau:

*a. Sự cần thiết khách quan phải hoàn thiện tổ chức KTNB tại Tổng công ty Sông Đà*

- KTNB cung cấp thông tin kịp thời, quan trọng phục vụ nhà quản lý trong việc ra quyết định.

- KTNB là công cụ phát hiện và cải tiến những yếu điểm trong hệ thống KSNB của doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triên bền vững.

- Xuất phát từ nhiệm vụ tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế.

*b. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức KTNB xuất phát từ nhu cầu nâng cao hiệu quả quản trị của Tổng công ty Sông Đà*

- Xuất phát từ tình hình thực tế tại TCT Sông Đà.

Trong những năm qua, tình hình SXKD của TCT Sông Đà gặp nhiều khó khăn, một số khoản đầu tư lớn không mang lại hiệu quả như kỳ vọng đã làm cho tình hình tài chính của TCT rất xấu.

- Các ngành, nghề sản xuất kinh doanh chính của TCT đều tiềm ẩn rất nhiều rủi ro.

- Tăng cường độ tin cậy của thông tin đối với các nhà đầu tư, cổ đông trong và sau quá trình cổ phần hoá.

Việc xây dựng và vận hành có hiệu quả bộ phận KTNB tại TCT Sông Đà là một yêu cầu cấp thiết trong quá trình tái cơ cấu và hội nhập. Nhận thức được vấn đề đó, nghiên cứu sinh (NCS) chọn đề tài “**Hoàn thiện tổ chức kiểm toán nội bộ trong Tổng công ty Sông Đà”** để nghiên cứu luận án Tiến sĩ.

1. **Tổng quan các công trình nghiên cứu của đề tài**

**2.1. Về tổ chức bộ máy KTNB**

Đặt nền móng đầu tiên cho lý luận về KTNB hiện đại phải kể đến cuốn sách *“Kiểm toán nội bộ hiện đại - Đánh giá các hoạt động và hệ thống kiểm soát”* của hai tác giả Victor Z. Brink và Herbert Witt xuất bản lần đầu năm 1941, bản dịch tiếng Việt do Nhà xuất bản Tài chính phát hành năm 2000. Cuốn sách đã làm rõ những vấn đề cơ bản về KTNB như: khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ với các bộ phận trong doanh nghiệp, bố trí nhân viên và huấn luyện… Ngoài ra, cũng đã đề cập đến vị trí của KTNB trong doanh nghiệp đó là: chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Uỷ ban kiểm toán trực thuộc Ban giám đốc. Cùng quan điểm trên với Victor Z. Brink và Herbert Witt về vị trí của KTNB trong doanh nghiệp, tác giả Đặng Văn Thanh, Lê Thị Hoà trong cuốn sách *“Kiểm toán nội bộ - Lý luận và hướng dẫn nghiệp vụ”* (Nhà xuất bản Tài chính, 1998) cũng đã nêu: *Bộ phận KTNB được tổ chức độc lập với các bộ phận quản lý và điều hành kinh doanh trong doanh nghiệp (kể cả phòng kế toán - tài chính); chịu sự chỉ đạo và lãnh đạo trực tiếp của (Tổng) Giám đốc doanh nghiệp”.*

Ngoài ra, có thể kể đến các nghiên cứu tương tự như: Tác giả Ann Neale (1991) về *"Hệ thống kiểm toán: Lý thuyết và thực hành"*; Tác giả John A. Edds (1980) về *"Kiểm toán quản trị: Khái niệm và thực hiện"*; Tác giả J.C. Shaw (1980) về *"Kiểm toán nội bộ - Một yếu tố cần thiết cho hoạt động quản lý hiệu quả"*; Tác giả Lawrence B. Sawyer, Mortimer Dittenhofe, James H. Scheiner (2003) về "*Thực hành kiểm toán nội bộ hiện đại"*; Tác giả Robert Moeller (2005) về *"Kiểm toán nội bộ hiện đại theo quan điểm của Brink"*... Về cơ bản, những nghiên cứu này chưa đưa đề cập đến các mô hình tổ chức bộ máy KTNB, xác định vị trí có thể có của KTNB trong cấu trúc doanh nghiệp từ đó đánh giá ưu nhược điểm, tính độc lập, khách quan trong hoạt động tương ứng với từng mô hình và chưa có phương án xác định số lượng nhân sự KTNB.

Tuy nhiên, cũng đã có một số nghiên cứu nêu tương đối đầy đủ về vấn đề tổ chức bộ máy KTNB như: Sách chuyên khảo: *“Kiểm toán nội bộ”* (tác giả Thịnh Văn Vinh và Phạm Tiến Hưng, NXB Tài chính, 2012); Luận án tiến sĩ kinh tế của các tác giả: Phan Trung Kiên (2008) với đề tài *“Hoàn thiện tổ chức KTNB trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam”*, Nguyễn Thị Hồng Thuý (2010) với đề tài *“Tổ chức KTNB trong các Tập đoàn kinh tế Việt Nam”, Lê Thị Thu Hà (2011) với đề tài “Tổ chức KTNB tại các công ty tài chính”; Vũ Thuý Hà (2017) với đề tài “Hoàn thiện KTNB tại các TCT thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam”…* xét theo khía cạnh tổ chức bộ máy KTNB, nội dung các công trình nghiên cứu trên đã tập trung vào các nội dung:

- Nghiên cứu khái quát, hệ thống hoá và phát triển lý luận về KTNB, xác định rõ nội dung cơ bản của tổ chức KTNB trong doanh nghiệp gồm tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động, đưa ra một số điểm mới về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của KTNB trong đó chú trọng đến việc nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, hướng KTNB đến kiểm toán hoạt động, kiểm toán liên kết (luận án của tác giả Phan Trung Kiên);

- Khái quát các mô hình tổ chức KTNB phổ biến hiện nay, phân tích ưu nhược điểm và sự ảnh hưởng của mô hình tổ chức đến hoạt động KTNB… đồng thời kiến nghị xây dựng mô hình KTNB;

- Đưa ra các yêu cầu cơ bản cần có khi thành lập bộ phận KTNB: tính độc lập khách quan, yêu cầu đối với các KTVNB, mối quan hệ giữa bộ phận KTNB với các bộ phận, đơn vị khác trong và ngoài doanh nghiệp;

- Bên cạnh đó, đối với nhóm các luận án tiến sỹ, các tác giả đã đưa ra các kiến nghị, đề xuất về tổ chức bộ máy KTNB trong các doanh nghiệp để các đơn vi này có thể triển khai ứng dụng ngay.

**2.2. Về tổ chức hoạt động KTNB**

Phần lớn các công trình nghiên cứu trên thế giới cũng như tại Việt Nam tập trung chủ yếu vào việc hoàn thiện quy trình, phương pháp kiểm toán cũng như định hướng phát triển nội dung, phương pháp tiếp cận và loại hình KTNB.

Đối với phương pháp tiếp cận KTNB, cuốn sách *“Kiểm toán nội bộ trên cơ sở rủi ro”* của tác giả Phil Griffiiths (2005) đã nêu rõ sự cần thiết cũng như cơ sở lý luận cho việc tiếp cận KTNB trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro. Tác giả chi cách thức tiếp cận KTNB theo bốn giai đoạn gồm: (1) Truyền thống; (2) Tiếp cận hệ thống; (3) Định hướng rủi ro và (4) Hướng tới tương lai. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng đã xây dựng quy trình thực hiện KTNB theo phương pháp tiếp cận trên cơ sở phân tích rủi ro (lập KHKT và thực hiện kiểm toán) và hướng dẫn kiểm soát rủi ro trong quá trình kiểm toán. Cùng quan điểm tiếp cận KTNB trên cơ sở phân tích rủi ro, luận án tiến sĩ của tác giả Lê Thị Thu Hà (2011) với đề tài *“Tổ chức KTNB tại các công ty tài chính”* đã nêu: *“Phương pháp tiếp cận theo định hướng rủi ro có thể được áp dụng trong toàn bộ quá trình kiểm toán, không chỉ đối với việc lập kế hoạch kiểm toán hàng năm, mà còn trong toàn bộ quy trình kiểm toán”* kèm theo đó là những nội dung hướng dẫn tương đối cụ thể, chi tiết. Tác giả cũng đã có những định hướng, hướng dẫn cơ bản về đánh giá, phân loại rủi ro và công tác quản lý chất lượng hoạt động kiểm toán.

Cuốn sách *“Kiểm toán nội bộ hiện đại - Đánh giá các hoạt động và hệ thống kiểm soát”* của hai tác giả Victor Z. Brink và Herbert Witt đã đưa ra những hướng dẫn cụ thể trong quá trình thực hiện kiểm toán đối với từng lĩnh vực hoạt động mà KTNB quan tâm (sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp) như: kiểm toán quá trình mua hàng - vận chuyển - nhận hàng - lưu kho và phế liệu; hoạt động sản xuất - bảo dưỡng; kiểm soát chất lượng - kỹ thuật… Ngoài ra, cuốn sách còn đề cập đến KTNB trong các cơ quan chính phủ và các tổ chức phi lợi nhuận. Mặc dù tác phẩm đã khẳng định tầm quan trọng của KTNB trong việc hỗ trợ công tác quản lý, tuy nhiên cũng mới chỉ tập trung vào khía cạnh tài chính.

Cuốn sách *“Sổ tay Kiểm toán nội bộ”* của tác giả Martin Grimwood (bản dịch của Đặng Kim Cương - NXB Giao thông vận tải - 2007) đã đưa ra hướng dẫn xác định chỉ số rủi ro: *“Kiểm toán viên phải kết hợp các thành tố với trọng số của chúng trong một công thức có thể sử dụng để tính toán chỉ số rủi ro. Trong việc chọn trọng số, KTV phải tránh đưa xu hướng không công bằng vào công thức. Một ví dụ về công thức có thể sử dụng là:*

 *Chỉ số rủi ro = Aa + Bb + Cc + Dd + Ee + Ff*

 *A-F: là những thành tố*

 *a-f: là trọng số”.*

Luận án tiến sĩ kinh tế của các tác giả: Phan Trung Kiên (2008) với đề tài *“Hoàn thiện tổ chức KTNB trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam”*, Nguyễn Thị Hồng Thuý (2010) với đề tài *“Tổ chức KTNB trong các Tập đoàn kinh tế Việt Nam”, Vũ Thuỳ Linh (2014) với đề tài “Hoàn thiện quá trình và tổ chức bộ máy KTNB trong các ngân hàng thương mại nhà nước Việt Nam”*: Mặc dù các tác giả đã hướng KTNB tiếp cận trên cơ sở phân tích rủi ro tuy nhiên trong nội dung nghiên cứu vẫn mang nhiều đặc điểm của phương pháp tiếp cận hệ thống, chú trọng vào kiểm toán tài chính và chưa đưa ra mô hình đánh giá, phân tích, xếp loại rủi ro.

Và nhiều công trình nghiên cứu khác tập trung vào các khía cạnh khác nhau của tổ chức hoạt động KTNB trong doanh nghiệp.

**2.3. Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan đến luận án**

***2.3.1. Những kết quả đã đạt được***

Có thể thấy, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Xét một cách toàn diện, các công trình nghiên cứu có nội dung phong phú, đa dạng bao gồm cả các nghiên cứu toàn diện về lý luận như: *“Kiểm toán nội bộ hiện đại - Đánh giá các hoạt động và hệ thống kiểm soát”* của hai tác giả Victor Z. Brink và Herbert Witt, *“Sổ tay Kiểm toán nội bộ”* của tác giả Martin Grimwood, *“Kiểm toán nội bộ trên cơ sở rủi ro”* của tác giả Phil Griffiiths... cũng có những nghiên cứu về một khía cạnh của KTNB như: *“Nghiên cứu xây dựng nội dung KTNB doanh nghiệp vận tải ô tô”* của tác giả Lê Thu Hằng (2007); *“Hoàn thiện nội dung, quy trình, phương pháp KTNB trong các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam hiện nay”* của TS. Giang Thị Xuyến và các cộng sự (2010); *“Kiểm toán môi trường và quy tắc kiểm toán”* của Nhóm là việc thuộc INTOSAI... và các công trình nghiên cứu ứng dụng tại đối với một nhóm ngành, lĩnh vực kinh doanh cụ thể như: Xây lắp, tài chính ngân hàng, doanh nghiệp nhà nước... Các kết quả đã đạt được có thể đánh giá theo các mặt như sau:

*\* Về Tổ chức bộ máy KTNB*

Các nghiên cứu đưa ra những yêu tố cơ bản của tổ chức bộ máy KTNB gồm: Mô hình tổ chức và tổ chức nhân sự KTNB, cụ thể:

- Đã thực hiện nghiên cứu các mô hình, cơ cấu tổ chức của bộ phận KTNB phổ biến trên thế giới, phù hợp với lý thuyết KTNB hiện đại. Đồng thời đã phân tích những ảnh hưởng mang tính quyết định của mô hình tổ chức đến hoạt động KTNB từ đó rút ra ưu, nhược điểm của từng mô hình và đề xuất khả năng áp dụng trong thực tế đối với các tổ chức, doanh nghiệp;

- Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ của KTNB với các bộ phận khác. Đặt ra những yêu cầu cơ bản về tính độc lập khách quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của KTNB.

- Đưa ra những yêu cầu cơ bản về yêu cầu đối với các KTVNB như: trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm và nguồn bổ sung nhân sự cho bộ phận KTNB.

*\* Về tổ chức hoạt động KTNB*

- Đã nghiên cứu và đề xuất phương pháp tiếp cận KTNB trên cơ sở phân tích rủi ro áp dụng đối với toàn bộ quy trình kiểm toán; định hướng phát triển loại hình kiểm toán hoạt động và kiểm toán tuân thủ;

- Xác định cụ thể quy trình kiểm toán gồm các bước: Chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, lập biên bản kiểm toán và kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán;

- Bước đầu đã có những hướng dẫn đánh giá, phân tích và xếp loại rủi ro làm cơ sở lập KHKT năm, đánh giá rủi ro khi thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán;

- Đặt ra yêu cầu đối với việc kiểm soát chất lượng kiểm toán trong tất cả các giai đoạn thực hiện kiểm toán: trong đó nêu rõ trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của các bộ phận có liên quan đến việc kiểm soát chất lượng kiểm toán.

***2.3.2. Xác định khoảng trống nghiên cứu***

Ngoài các kết quả như đã nêu trên, vẫn còn một số vấn đề chưa được nghiên cứu, bao gồm:

Nghiên cứu về tổ chức KTNB trong TCT Sông Đà là doanh nghiệp có mô hình tổ chức nhiều cấp (bao gồm các công ty cấp I, II, III), hoạt động trong lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro và kết quả nghiên cứu hướng đến tính ứng dụng thực tiễn cao.

Nghiên cứu việc xác định số lượng KTVNB trên cơ sở phương pháp tính định biên một cách khoa học, hợp lý.

Hướng dẫn cụ thể việc xây dựng bảng mô tả công việc, tiêu chuẩn chức danh đối với từng chức danh KTNB.

Hướng dẫn xây dựng mô hình đánh giá, phân tích rủi ro để lựa chọn đơn vị, hoạt động (nhóm hoạt động) được kiểm toán áp dụng đối với một đơn vị cụ thể để nâng cao tính ứng dụng thực tế.

Phân tích, hướng dẫn cụ thể về xác định, lựa chọn chủ đề kiểm toán hoạt động đối với các cuộc kiểm toán của KTNB, đồng thời hướng dẫn xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kiểm toán hoạt động.

Hướng dẫn hoàn thiện Sổ tay KTNB để hướng dẫn về nghiệp vụ, đồng thời làm cơ sở nâng cao hiệu quả hoạt động KTNB; hoàn thiện hệ thống hồ sơ mẫu biểu và kiểm soát chất lượng kiểm toán nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ phận KTNB.

***2.3.3. Câu hỏi nghiên cứu***

Nội dung nghiên cứu của luận án nhằm trả lời cho các câu hỏi sau:

- Các lý luận cơ bản về KTNB trong doanh nghiệp là gì, tổ chức KTNB trong doanh nghiệp gồm những nội dung gì?

- Các phương pháp tiếp cận KTNB, ưu điểm của phương pháp tiếp cận trên cơ sở phân tích rủi ro so với các phương pháp khác?

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT Sông Đà có những đặc thù gì, có những loại ro nào và ảnh hưởng của nó đến tổ chức KTNB?

- Thực trạng, ưu nhược điểm, nguyên nhân của những nhược điểm việc tổ chức KTNB trong TCT Sông Đà?

- Để hoàn thiện tổ chức KTNB trong TCT Sông Đà cần các giải pháp gì?

***2.3.4. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu***

Nghiên cứu, phân tích, lựa chọn mô hình tổ chức KTNB tối ưu, phù hợp với đặc thù sở hữu vốn của các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối nói riêng tại Việt Nam và thực tế tại TCT Sông Đà. Nghiên cứu, đề xuất một số nội dung liên quan đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cũng như mối quan hệ của KTNB với các bộ phận khác nhằm tăng cường tính độc lập, khách quan của bộ phận này;

Nghiên cứu phương pháp xác định định biên lao động, xây dựng mô hình tính định biên lao động áp dụng cho bộ phận KTNB tại TCT Sông Đà;

Định hướng xây dựng và xây dựng mẫu bảng mô tả công việc, tiêu chuẩn chức danh của một số KTVNB;

Nghiên cứu, xây dựng mô hình đánh giá, phân tích, xếp loại rủi ro hướng đến hai nhóm hoạt động chính: (1) Đánh giá rủi ro trong quá trình lập KHKT năm; (2) Đánh giá rủi ro trong quá trình lập KHKT chi tiết, thiết kế chương trình kiểm toán, xây dựng tiêu chí đánh giá kiểm toán hoạt động;

Nghiên cứu, đề xuất định hướng xây dựng Sổ tay KTNB; xây dựng hệ thống hồ sơ, mẫu biểu áp dụng cho các cuộc KTNB;

Nghiên cứu lý thuyết, đề xuất phương án hoàn thiệt tổ chức kiểm soát chất lượng kiểm toán từ khâu lập kế hoạch đến khâu kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán.

1. **Mục tiêu nghiên cứu**

***3.1. Mục tiêu tổng quát***

- Nghiên cứu, hệ thống hóa những vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức KTNB, góp phần làm sáng tỏ hơn căn cứ, cơ sở khoa học và thực tiễn về tổ chức KTNB trong các doanh nghiệp;

- Nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức KTNB trên thế giới và rút ra các bài học kinh nghiệm khi áp dụng để phù hợp với điều kiện của Việt Nam;

- Nghiên cứu và phát triển các vấn đề lý luận của KTNB, đặc biệt là phương pháp tiếp cận KTNB trên cơ sở phân tích rủi ro.

***3.2. Mục tiêu cụ thể***

- Nghiên cứu các đặc trưng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT Sông Đà ảnh hưởng đến tổ chức KTNB, trong đó đi sâu vào nhóm các đặc trưng tiềm ẩn rủi ro cao, khác biệt với các doanh nghiệp khác.

- Phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức KTNB; nhận diện, đánh giá thực trạng việc thực hiện chức năng KTNB (hoạt động KSNB, thanh, kiểm tra), so sánh, đối chiếu với lý thuyết KTNB để thấy được: Những đặc điểm của KTNB trong hoạt động KSNB, kiểm tra, kiểm soát; những điểm còn hạn chế trong tổ chức KTNB, công tác kiểm tra, kiểm soát của TCT khi không thành lập bộ phận KTNB.

- Chỉ rõ sự cần thiết phải thành lập bộ phận KTNB tại TCT Sông Đà, đề xuất các giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động KTNB chú trọng đến việc định hướng hoạt động KTNB dựa trên cơ sở phương pháp tiếp cận, đánh giá rủi ro, tập trung vào kiểm toán hoạt động.

1. **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

- Đề tài nghiên cứu các lý luận cơ bản về KTNB và tổ chức KTNB trong doanh nghiệp. Trong phạm vi luận án này, thuật ngữ “Tổ chức” được hiểu là bao gồm hai nội dung: tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động.

+ Tại Công ty mẹ: Nghiên cứu, đánh giá tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động của Ban KSNB, các hoạt động thanh kiểm tra của các ban chuyên môn;

+ Tại các Công ty con: (1) Đối với đơn vị đã thành lập bộ phận KTNB: Nghiên cứu, đánh giá tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động KTNB; (2) Đối với các đơn vị chưa thành lập bộ phận KTNB: Nghiên cứu, đánh giá tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động của Ban KSNB, các hoạt động thanh kiểm tra của các bộ phận chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

*- Về không gian:* Đề tài đi sâu nghiên cứu tổ chức bộ máy và quy trình KTNB và tại Công ty mẹ và các công ty con của TCT Sông Đà; nhận diện, đánh giá thực trạng tổ chức, hoạt động thực hiện chức năng KTNB (KSNB, thanh, kiểm tra) trong TCT Sông Đà.

*- Về thời gian*: Đề tài chủ yếu tập trung nghiên cứu khảo sát thực trạng tổ chức KTNB, KSNB, thanh kiểm tra của các đơn vị nêu trên trong giai đoạn 2012 - 2015, có cập nhật một số kết quả quan trọng đến hết năm 2017.

1. **Phương pháp nghiên cứu**

***5.1. Phương pháp luận chung*:** phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử.

***5.2. Phương pháp cụ thể:***

- Phương pháp thu thập tài liệu: bao gồm thu thập tài liệu sơ cấp và thứ cấp.

- Phương pháp phân tích thông tin: phương pháp tổng hợp, phân loại, phân tích, so sánh, hệ thống hóa thông tin….

1. **Những đóng góp mới của luận án**

Về lý luận:Nghiên cứu làm rõ những vấn đề cơ bản về lý luận KTNB trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Luận án đã khảo sát, nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động KTNB và các hoạt động thực hiện chức năng KTNB tại TCT Sông Đà. Kết quả đánh giá chỉ ra những mặt đạt được, đặc biệt là những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại, từ đó Luận án đề phương án tổ chức hoạt động KTNB tại TCT Sông Đà

1. **Kết cấu của Luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án được kết cấu thành 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề cơ bản về tổ chức kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp.

*Chương 2:* Thực trạng tổ chức kiểm toán nội bộ trong Tổng công ty Sông Đà

*Chương 3:* Giải pháp hoàn thiện tổ chức kiểm toán nội bộ trong Tổng công ty Sông Đà.

**CHƯƠNG 1**

**NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP**

**1.1. Khái quát về KTNB.**

***1.1.1. Sự hình thành và phát triển lý thuyết KTNB.***

***1.1.2. Khái niệm và phân loại KTNB***

Tác giả đưa ra định nghĩa về KTNB như sau: *KTNB là một bộ phận được xây dựng độc lập trực thuộc cấp lãnh đạo cao nhất, với chức năng kiểm tra, đánh giá toàn bộ các hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó đưa ra các ý kiến tư vấn nhằm nâng cao chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ và hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn lực để đạt được các mục tiêu doanh nghiệp đã đề ra.*

**1.1.3. Vai trò, chức năng, mục đích của KTNB.**

*1.1.3.1. Vai trò của KTNB*

- KTNB là công cụ hỗ trợ việc thực hiện trách nhiệm của nhà quản lý

- KTNB là công cụ giúp phát hiện và cải tiến những điểm yếu trong HTKSNB của doanh nghiệp.

- KTNB giúp cân bằng và điều hoà những xung đột về lợi ích thường có giữa các cổ đông với các nhà quản lý doanh nghiệp.

- KTNB đưa ra sự đảm bảo từ đó làm tăng niềm tin của người sử dụng thông tin có liên quan đến doanh nghiệp.

- KTNB là công cụ hữu hiệu góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của đơn vị, tham gia vào quá trình hoạch định chiến lược, tư vấn cho nhà quản trị lựa chọn phương án tối ưu nhất.

*1.1.3.2. Chức năng của KTNB*

KTNB có ba chức năng cơ bản là kiểm tra, đánh giá và tư vấn.

*1.1.3.3. Mục đích của KTNB*

*-* Hoạt động KTNB nhằm đảm bảo đảm bảo các thông tin đã được công bố được lập phù hợp với các chuẩn mực, quy định đã được thiết lập.

*-* Đánh giá mức độ tuân thủ các cơ chế, chính sách của tất cả các hoạt động trong doanh nghiệp, đánh giá mức độ ảnh hưởng chỉ ra các nguyên nhân và đề xuất phương án xử lý;

*-* Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực các hoạt động trong doanh nghiệp, đề xuất các biện pháp cải tiến, nâng cao hiệu xuất sử dụng nguồn lực;

*-* KTNB là công cụ của nhà quản lý thực hiện kiểm tra, rà soát để phát hiện những điểm yếu của hệ thống KSNB, đưa ra các biện pháp khắc phục;

*-* Tư vấn cho nhà quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, chiến lược; nhận diện, đánh giá rủi ro; đưa ra các phương án để nhà quản lý có cái nhìn bao quát trước khi đưa ra quyết định.

***1.1.4. Sự độc lập, quyền hạn, trách nhiệm của KTNB***

*1.1.4.1. Sự độc lập của bộ phận KTNB*

*Về địa vị của bộ phận KTNB:* Địa vị trong tổ chức của bộ phận KTNB phải đủ lớn để cho phép hoàn thành nhiệm vụ kiểm toán.

*Về tính khách quan trong khi thực hiện những cuộc kiểm toán:* KTVNB không có thành kiến, thiên vị hay bị chi phối bởi ý kiến của lãnh đạo cấp cao, sự thỏa hiệp và các mối quan hệ tình cảm với đơn vị được kiểm toán.

*1.1.4.2. Quyền hạn của KTNB*

*Thứ nhất,* KTNB có quyền được độc lập về chuyên môn nghiệp vụ.

*Thứ hai,* KTNB được trang bị đầy đủ các nguồn lực phục vụ kiểm toán;

*Thứ ba,* KTNB có quyền yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu để phục vụ công tác kiểm toán;

*Thứ tư,* KTVNB được ký báo cáo KTNB do cá nhân tiến hành hoặc chịu trách nhiệm thực hiện theo nhiệm vụ kiểm toán được giao, được bảo lưu ý kiến đã trình bày trong báo cáo kiểm toán.

*Thứ năm,* KTNB đưa ra các ý kiến kết luận, đánh giá và tư vấn, kiến nghị;

*Thứ sáu,* giám sát quá trình thực hiện kiến nghị và báo cáo cấp có thẩm quyền việc chấp hành các kết luận, kiến nghị;

*1.1.4.3. Trách nhiệm của KTNB*

*Thứ nhất,* KTNB thực hiện kiểm toán theo kế hoạch đã được phê duyệt;

*Thứ hai,* KTVNB phải tuân thủ pháp luật, tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp, các chính sách chế độ hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy chế của doanh nghiệp đang áp dụng;

*Thứ ba,* KTNB có trách nhiệm đánh giá hệ thống KSNB một cách thường xuyên, liên tục nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời điểm yếu của HTKSNB;

*Thứ tư,* KTNB có trách nhiệm đưa ra các ý kiến tư vấn;

*Thứ năm,* chịu trách nhiệm trước các cấp có thẩm quyền và người ra quyết định kiểm toán về kết quả công việc KTNB;

*Thứ sáu,* KTVNB phải luôn đề cao tính trung thực, độc lập, khách quan; không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp kiểm toán.

***1.1.5. Nội dung, phạm vi và các phương pháp kỹ thuật của KTNB***

*1.1.5.1. Nội dung của KTNB*

Mỗi cách phân loại khác nhau mà ta có thể chia thành các loại hình kiểm toán khác nhau, đồng thời mỗi loại hình kiểm toán lại có nội dung, phạm vi kiểm toán và sử dụng các phương pháp kiểm toán khác nhau. Hiện nay, cách tiếp cận phổ biến là theo mục tiêu kiểm toán, theo đó các nội dung kiểm toán gắn với mục tiêu.

*1.1.5.2. Phạm vi của KTNB*

Phạm vi của KTNB là toàn bộ các hoạt động của doanh nghiệp.

*1.1.5.3. Các phương pháp KTNB*

- Phương pháp kiểm toán cơ bản;

- Phương pháp kiểm toán tuân thủ.

1.1.5.4. Kỹ thuật thu thập bằng chứng KTNB

Các kỹ thuật thu thập bằng chứng KTNB bao gồm: Kiểm tra vật chất; Lấy xác nhận; Xác minh tài liệu; Quan sát; Phỏng vấn; phương pháp tính toán; Phân tích.

***1.1.6. Phân biệt KTNB với kiểm toán độc lập và kiểm toán nhà nước***

**1.2. Tổ chức KTNB trong doanh nghiệp.**

***1.2.1. Nội dung tổ chức KTNB trong doanh nghiệp***

- Tổ chức bộ máy KTNB: xác định cụ thể vị trí của KTNB trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp; mô hình tổ chức của KTNB; cơ cấu nhân sự, tiêu chuẩn các chức danh và các mối quan hệ của KTNB với các bộ phận trong và ngoài doanh nghiệp;

- Tổ chức hoạt động KTNB: xác đinh phương pháp tiếp cận KTNB, xây dựng và triển khai quy trình kiểm toán phù hợp và duy trì hệ thống kiểm soát chất lượng kiểm toán để đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu đã đề ra.

*1.2.2. Tổ chức bộ máy KTNB*

*a. Cách thức tổ chức KTNB*

Hiện nay có ba cách tổ chức bộ máy KTNB bao gồm: KTNB trực thuộc Ban giám đốc; KTNB trực thuộc Hội đồng quản trị và KTNB trực thuộc Uỷ ban kiểm toán.

b. Mô hình tổ chức KTNB

Thứ nhất, Mô hình KTNB tập trung, theo mô hình này, doanh nghiệp chỉ tổ chức bộ phận KTNB tại trụ sở chính mà không tổ chức KTNB tại các chinhánh hoặc đơn vị thành viên.

Thứ hai, Mô hình KTNB phân tán, bộ phận KTNB được lập tại trụ sở chính và tại tất cả các chi nhánh, đơn vị thành viên.

*Thứ ba,* Mô hình kết hợp: là mô hình tổ chức bộ phận KTNB dựa trên sự kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán.

*1.2.2.2. Tổ chức nhân sự KTNB*

- Xây dựng định biên lao động cho bộ phận KTNB: Định biên có thể được xây dựng theo ba phương pháp gồm: Tỉ lệ tương quan; Định mức lao động; Theo tần suất và thời lượng.

- Những yêu cầu cơ bản đối với KTVNB gồm các yêu cầu về: Kỹ năng và năng lực; đạo đức nghề nghiệp, tính độc lập, tôn trọng pháp luật, tôn trọng bí mật.

- Công tác tuyển dụng KTVNB: bao gồm nguồn nhân lực từ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

*1.2.2.3. Các mối quan hệ của kiểm toán nội bộ*

- Mối quan hệ giữa KTNB và các bộ phận khác trong đơn vị;

- Mối quan hệ giữa KTNB và đơn vị ngoài doanh nghiệp.

***1.2.3. Tổ chức hoạt động KTNB***

*1.2.3.1. Phương pháp tiếp cận KTNB trên cơ sở phân tích rủi ro*

Phương pháp tiếp cận trên cơ sở phân tích rủi ro là phương pháp mà KTNB xuất phát từ việc xác định, đánh giá rủi ro để xác định đối tượng, nội dung, phương pháp, thủ tục… và bố trí các nguồn lực để thực hiện kiểm toán. Phương pháp tiếp cận này có thể được áp dụng cho toàn bộ quy trình kiểm toán, cụ thể:

- Khi xây dựng KHKT năm, việc đánh giá rủi ro được thực hiện chủ yếu với mục tiêu là: lựa chọn đơn vị, chủ đề được kiểm toán thông qua việc chấm điểm, xếp hạng rủi ro giữa các đơn vị, chủ đề kiểm toán.

- Khi xây dựng KHKT chi tiết cho cuộc kiểm toán, việc đánh giá rủi ro được thực hiện với mục đích chính là: đánh giá tính hiệu quả và nhất quán của mô hình QTRR, hệ thống KSNB và quản trị doanh nghiệp đồng thời xác định các hoạt động có rủi ro cao từ đó tập trung thời gian, nhân sự có trình độ, kinh nghiệm và sử dụng các phương pháp, thủ tục kiểm toán phù hợp.

- Khi thực hiện kiểm toán, việc xác định và đánh giá rủi ro phải được thực hiện đối với từng bộ phận nghiệp vụ, đồng thời với đó là việc rà soát, đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả, thống nhất trong công tác QTRR của các bộ phận. Trên cơ sở đó, KTVNB xác định các thủ tục kiểm toán phù hợp.

*1.2.3.2. Xây dựng quy trình KTNB*

Quy trình kiểm toán gồm bốn giai đoạn: Chuẩn bị kiểm toán; Thực hiện kiểm toán; Kết thúc kiểm toán; Theo dõi thực hiện kiến nghị kiểm toán.

*1.2.3.3. Kiểm soát chất lượng KTNB*

Kiểm soát chất lượng kiểm toán của KTNB là hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm toán nhằm đảm bảo chất lượng cuộc kiểm toán. Việc KSCL kiểm toán phải được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của quy trình kiểm toán.

**1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức KTNB trong doanh nghiệp.**

***1.3.1. Các nhân tố khách quan***

*1.3.1.1.* *Quy định của pháp luật về kiểm toán nội bộ:* tại một số quốc gia, việc thành lập bộ phận KTNB là bắt buộc và được quy định bởi các đạo luật cụ thể.

*1.3.1.2.* *Quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động KTNB*

*Thứ nhất*, nhà nước định hướng, tạo điều kiện cần thiết về cơ chế quản lý thông qua việc xây dựng và ban hành hệ thống chuẩn mực KTNB.

*Thứ hai,* nhà nước tạo điều kiện đào tạo đội ngũ KTVNB để đảm bảo cho sự phát triển của KTNB.

*Thứ ba, N*ếu loại hình này cung cấp thông tin cho một bên thứ ba nào khác hoặc KTNB được xây dựng trong các Tập đoàn kinh tế, TCT nhà nước thì chất lượng KTNB cần phải được đảm bảo và cụ thể hoá bằng các văn bản quy phạm pháp luật.

*1.3.1.3.* *Sự phát triển của hiệp hội nghề nghiệp*

Hiệp hội KTVNB với vai trò cầu nối giữa KTNB với các loại hình kiểm toán khác, giữa KTNB trong nước với các tổ chức KTNB nước ngoài… sẽ tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, phối hợp công tác qua đó nâng cao trình độ chuyên môn cho các KTVNB; nâng cao nhận thức của các nhà quản trị, các cấp quản lý, xã hội đối với KTNB, ngày càng khẳng định sự cần thiết và tất yếu của hoạt động KTNB trong các doanh nghiệp.

*1.3.1.4. Yếu tố rủi ro trong hoạt động của doanh nghiệp*

Các yếu tố rủi ro trong hoạt động của doanh nghiệp sẽ có tác động lớn đến việc tổ chức KTNB trong doanh nghiệp theo các khía cạnh:

*Thứ nhất,* Tác động đến quan điểm của nhà quản trị trong việc thành lập, quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ… của bộ phận KTNB;

*Thứ hai,* Quyết định phương pháp tiếp cận kiểm toán của KTNB;

*Thứ ba,* Quyết định đến tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động KTNB.

***1.3.2. Các nhân tố chủ quan***

*1.3.2.1.* *Quan điểm của nhà quản trị về KTNB*

Nếu nhà quản trị cho rằng KTNB là công cụ đắc lực trợ giúp hoạt động quản lý, không thể thiếu trong hoạt động của doanh nghiệp thì họ luôn quan tâm đến việc tổ chức, hoạt động của bộ phận KTNB; bố trí nhân sự, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực để thực hiện kiểm toán... và ngược lại.

*1.3.2.2.* *Mô hình tổ chức, hoạt động của KTNB*

Mô hình tổ chức ảnh hưởng đến: việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng KTNB và tuyển dụng các KTVNB; quyết định kế hoạch, phạm vi, nội dung kiểm toán hàng năm và từng cuộc kiểm toán; tính hiệu lực trong quá trình thực thi các kết luận kiến nghị kiểm toán.

*1.3.2.3.* *Kiểm toán viên nội bộ*

KTVNB là người trực tiếp thực hiện các cuộc KTNB. Để đảm bảo tính hiệu quả, chất lượng của cuộc kiểm toán thì các KTVNB cũng phải thoả mãn một số tiêu chuẩn nhất định về: trình độ chuyên môn, các phẩm chất cá nhân, đạo đức nghề nghiệp...

*1.3.2.4.* *Yếu tố chi phí kiểm toán*

Mặc dù hoạt động KTNB là hoạt động kiểm toán không thu phí tuy nhiên chi phí để duy trì, vận hành bộ phận này luôn tồn tại và là chi phí doanh nghiệp phải gánh chịu. Do đó luôn có sự so sánh giữa lợi ích mà KTNB mang lại và chi phí để thực hiện kiểm toán.

**1.4. Một số mô hình KTNB trên thế giới và bài học rút ra đối với Việt Nam**

***1.4.1. KTNB tại Tập đoàn General Motor***

***1.4.2. KTNB tại Tập đoàn Bưu chính Italia - Poste Italiane***

# ***1.4.3. Tổ chức KTNB trong thông lệ quản trị quốc tế***

# ***1.4.4. Bài học rút ra đối với Việt Nam***

*Thứ nhất,* doanh nghiệp có thể chủ động lựa chọn mô hình KTNB tuy nhiên, cần phải đảm bảo tính độc lập, khách quan và không bị giới hạn phạm vi của KTNB;

*Thứ hai,* có thể lựa chọn một trong ba hình thức: tập trung, phân tán hoặc hỗn hợp đảm bảo phù hợp với quy mô, địa bàn hoạt động tránh làm phức tạp hóa mô hình quản lý;

*Thứ ba,* Khi xây dựng quy trình kiểm toán cần đề ra phương pháp tiếp cận KTNB trên cơ sở phân tích rủi ro tránh gây lãng phí nguồn lực.

*Thứ tư,* Có quá trình đào tạo ban đầu về KTNB cũng như cập nhật, bổ sung kiến thức thường xuyên đối với các KTVNB;

*Thứ năm,* Xây dựng và ban hành quy định về mối quan hệ giữa KTNB và các bộ phận khác trong doanh nghiệp.

**KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

**TRONG TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**2.1. Lịch sử hình thành, phát triển và đặc điểm tổ chức, quản lý của Tổng công ty Sông Đà chi phối đến tổ chức KTNB.**

***2.1.1. Lịch sử hình thành, phát triển của Tổng công ty Sông Đà.***

***2.1.2. Đặc điểm của TCT Sông Đà ảnh hưởng đến tổ chức KTNB.***

*Thứ nhất,* Hoạt động sản xuất kinh doanh TCT Sông Đà bao gồm nhiều ngành nghề, hoạt động tiềm ẩn rủi ro ở mức độ cao.

*Thứ hai,* Về lộ trình tái cơ cấu TCT Sông Đà và đặc thù về hoạt động quản lý điều hành. Theo kế hoạch tái cơ cấu, năm 2016 TCT sẽ chuyển hoạt động từ mô hình công ty TNHH MTV sang mô hình công ty cổ phần. Đây là một tiền đề thúc đẩy việc thành lập và tổ chức hoạt động KTNB tại TCT.

*Thứ ba,* hoạt động xây lắp cần có sự đầu tư lớn về vốn. Điều này đặt ra yêu cầu đối với KTNB là tập trung vào kiểm toán hoạt động với phương pháp tiếp cận trên cơ sở phân tích rủi ro.

*Thứ tư,* do đặc thù sản lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh tác động đến tiêu chuẩn của KTVNB và quy trình kiểm toán.

*Thứ năm,* hoạt động đầu tư của SDC. Những năm gần đây, Công ty mẹ và các đơn vị thành viên SDC do đó đã là chủ đầu tư của một số dự án lớn như: thủy điện, vật liệu xây dựng, đô thị... Hoạt động này đặt ra yêu cầu đối với KTNB là hoạt động tiền kiểm và kiểm toán hoạt động.

*Thứ sáu,* mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con. Công ty mẹ cũng chỉ là một cổ đông góp vốn vào công ty con nên đây là hoạt động kiểm soát sự tuân thủ, hiệu quả hoạt động của chủ sở hữu đối với đơn vị thông qua tỷ lệ vốn góp.

**2.2. Nhận diện và thực trạng các hoạt động thực hiện chức năng của KTNB trong Tổng công ty Sông Đà**

Qua kết quả khảo sát, tại Công ty mẹ và 12/13 công ty con của TCT Sông Đà chưa thành lập bộ phận KTNB. Tuy nhiên, một số hoạt động kiểm tra, kiểm soát, thanh tra cũng đã có nhiều điểm tương đồng về chức năng, nhiệm vụ với KTNB. Đặc biệt, hoạt động của Ban KSNB tại Công ty mẹ TCT Sông Đà mang hầu hết các đặc điểm của KTNB. Với đặc thù như vậy, trong mục này tác giả đi sâu nhận diện, đánh giá thực trạng các hoạt động thực hiện chức năng của KTNB tại Công ty mẹ và các công ty con của TCT Sông Đà cả về tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động để thấy được sự khác biệt, sự cần thiết phải thiết lập, duy trì bộ phận KTNB trong TCT Sông Đà.

***2.2.1. Tại Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà***

*2.2.1.1. Tổ chức bộ máy KSNB*

*a. Mô hình tổ chức bộ máy*

* *Vị trí của Ban KSNB trong cơ cấu tổ chức Công ty mẹ - TCT Sông Đà*

Ban KSNB là một bộ phận chuyên trách nằm trong hệ thống tổ chức của SDC trực thuộc HĐTV, có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động kiểm soát. Ban KSNB hoạt động một cách độc lập, trực tiếp thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát bao gồm cả hoạt động chỉ đạo, điều hành của Ban TGĐ, các hoạt động của các đơn vị thành viên và báo cáo kết quả trực tiếp với HĐTV.

* *Nguyên tắc hoạt động của Ban KSNB*

Các nguyên tắc hoạt động của Ban KSNB bao gồm: Tính độc lập, tính khách quan và tính chuyên nghiệp.

* *Quy tắc đạo đức nghề nghiệp*

Cán bộ KSNB TCT phải thực hiện và duy trì các quy tắc đạo đức nghề nghiệp bao gồm: Trung thực,Khách quan, Bảo mật, Trách nhiệm.

* *Chức năng của Ban KSNB*

Chức năng của Ban KSNB bao gồm ba chức năng chính là: Chức năng kiểm tra; Chức năng đánh giá; Chức năng xác nhận và chức năng tư vấn. Chức năng của Ban KSNB tại SDC đã ban hành có nhiều điểm tương đồng so với các chức năng của KTNB, đặc biệt là chức năng tư vấn hoàn thiện hệ thống KSNB.

* *Nhiệm vụ của Ban KSNB*

Nhiệm vụ của Ban KSNB bao gồm: (1) Thực hiện kiểm tra, giám sát với mục đích chủ yếu là thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, đánh giá tính tuân thủ pháp luật, các quyết định của HĐTV, quy trình, quy chế đối với công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết; (2) Kiến nghị biện pháp khắc phục, sửa chữa sai sót, hoàn thiện và nâng cao hiệu lực hiệu quả của hệ thống KSNB; (3) Đầu mối xây dựng chương trình đào tạo hàng năm.

*Quyền hạn của Ban KSNB*

Ban KSNB đã được trao nhiều quyền hạn lớn để có đủ điều kiện thực hiện kiểm soát: quyền được tiếp cận không hạn chế đối với các quy trình nghiệp vụ, hồ sơ tài liệu, các cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm soát; được chủ động trong công việc và độc lập về chuyên môn, đưa ra ý kiến bảo lưu nếu cần thiết; kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kiến nghị kiểm soát.

* *Trách nhiệm Ban KSNB*

Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của TCT; Chịu trách nhiệm trước HĐTV TCT về kết quả, những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo KSNB. Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm soát; Bảo mật tài liệu, thông tin theo các quy định hiện hành của pháp luật; Báo cáo kịp thời cho HĐTV các thông tin thu thập dược liên quan đến việc đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCT.

* *Mối quan hệ của Ban KSNB đối với các bộ phận khác trong Tổng công ty Sông Đà*

Các mối quan hệ của Ban KSNB đã được quy định bao gồm: với HĐTV; với Tổng giám đốc; với kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của TCT tại các doanh nghiêp khác; các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp.

*b. Tổ chức nhân sự Ban KSNB*

* *Về định biên lao động*

Định biên lao động của Ban KSNB do HĐTV phê duyệt theo đề xuất của Trưởng Ban KSNB. Tuy nhiên, chưa xây dựng và ban hành phương pháp xác định định biên lao động, số lượng lao động thực tế của Ban KSNB.

*Về tiêu chuẩn Kiểm soát viên nội bộ*

Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của cán bộ Ban KSNB đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu đã đặt ra trong Quy chế. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Ban KSNB vẫn chưa xây dựng Bảng mô tả công việc và Bộ tiêu chuẩn chức danh cụ thể đối với từng vị trí.

* *Về tuyển dụng nhân sự*

- Trưởng Ban và các Phó Trưởng Ban KSNB do TGĐ bổ nhiệm và miễn nhiệm sau khi được sự đồng ý của HĐTV;

- Các chuyên viên Ban KSNB do TGĐ quyết định tiếp nhận, điều động theo đề nghị của Trưởng ban KSNB.

* *Về đào tạo cán bộ Ban KSNB*

Chưa có quy định cụ thể về thời gian đào tạo tối thiểu một năm cho mỗi chức danh KSVNB và việc thực hiện đào tạo cũng chưa được tiến hành thường xuyên, bài bản, tập trung mà chủ yếu vẫn là tự học tập, nghiên cứu.

*2.2.1.2. Tổ chức hoạt động KSNB*

*a. Quy trình KSNB*

Quy trình KSNB bao gồm 04 bước: Lập kế hoạch KSNB; Thực hiện kiểm soát; Lập báo cáo KSNB và Kiểm tra thực hiện kiến nghị của KSNB.

*Bước 1: Lập kế hoạch KSNB.*

*Kế hoạch KSNB năm*

*Thứ nhất,* Đánh giá rủi ro.

*Đánh giá rủi ro tổng quát*

Đánh giá rủi ro tổng quát xuất phát từ việc tiến hành rà soát những rủi ro đã xảy ra trong các ngành, lĩnh vực, môi trường kinh tế vĩ mô… liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của TCT và phương thức xử lý những rủi ro này năm trước.

*Đánh giá rủi ro từ môi trường nội bộ*

Các thông tin từ môi trường nội bộ cần được xem xét, đánh giá bao gồm: những thay đổi trong cơ cấu tổ chức cán bộ, soát xét kết quả hoạt động.

*Đánh giá và phân loại rủi ro*

Trên cơ sở rà soát các rủi ro, Ban KSNB tiến hành đánh giá và phân loại rủi ro ở các cấp làm cơ sở lập kế hoạch về quy mô kiểm soát. TCT đã đưa ra một số tiêu chí hướng dẫn đánh giá rủi ro, tuy nhiên việc đánh giá, phân loại rủi ro như trên có thể dẫn đến không đánh giá đúng mức độ rủi ro của các đơn vị do mức độ tác động của các tiêu chí rủi ro là khác nhau dẫn đên lựa chọn không chính xác đơn vị được kiểm soát.

*Thứ hai,* lựa chọn đơn vị được kiểm soát

Căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro, đối chiếu với quy định về tần suất kiểm soát đối với các đơn vị có rủi ro, Ban KSNB đưa vào kế hoạch hàng năm số lượng đơn vị được kiểm soát và lĩnh vực hoạt động cần kiểm soát.

*Thứ ba,* Phân bổ các nguồn lực thực hiện kiểm soát

Quy chế cũng chưa có quy định cụ thể về việc phân bổ nguồn lực đặc biệt là sắp xếp, bố trí nhân sự. Kế hoạch KSNB năm chưa dự kiến được nhân sự làm trưởng đoàn, số lượng cán bộ tham gia mỗi đoàn kiểm soát.

* *Kế hoạch KSNB cho từng cuộc kiểm soát*

Kế hoạch KSNB cho từng cuộc kiểm soát do Trưởng Ban KSNB hoặc Trưởng đoàn công tác lập, trình HĐTV phê duyệt trước khi bắt đầu thực hiện cuộc kiểm soát. Bao gồm các bước: Khảo sát thu thập thông tin; phân tích, đánh giá và xử lý thông tin; nội dung kế hoạch KSNB chi tiết. Trên cơ sở các thông tin thu thập được, Ban KSNB phân tích, đánh giá thông tin bao gồm: đánh giá hệ thống KSNB, xác định trọng tâm, trọng yếu và rủi ro kiểm soát và hoàn thiện kế hoạch kiểm soát chi tiết.

*Bước 2: Thực hiện kiểm soát*

*Thứ nhất, Cuộc họp triển khai kiểm soát:* Thời gian, thành phần, nội dung cuộc họp; Mục tiêu cuộc họp

*Thứ hai, phương pháp kiểm soát gồm:* Phương pháp kiểm soát cơ bản và Phương pháp kiểm soát tuân thủ;

*Thứ ba,* Nguyên tắc thực hiện kiểm soát: Tuân thủ kế hoạch và chương trình kiểm soát; Ghi chép, lưu trữ hồ sơ; Báo cáo tiến độ thực hiện; Tuân thủ pháp luật;

*Thứ tư,* Nội dung thực hiện kiểm soát: Đánh giá rủi ro và thiết kế thử nghiệm kiểm soát; Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát; Đánh giá cuối cùng về rủi ro kiểm soát và thiết kế thử nghiệm cơ bản; Chọn mẫu kiểm soát;

*Thứ năm,* Gửi dự thảo Biên bản KSNB và cuộc họp tổng kết

*Bước 3: Lập báo cáo KSNB*

Ngay sau khi BBKS hoàn thành, Đoàn công tác tiến hành lập BCKS gửi HĐTV TCT kèm theo BBKS. Các bước thực hiện gồm: Chuẩn bị viết báo cáo kiểm soát, trình bày BCKS; Hoàn chỉnh, phát hành và lưu trữ báo cáo kiểm soát.

*Bước 4: Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của KSNB*

Việc tiến hành kiểm tra thực hiện các kiến nghị kiểm soát được thực hiện kịp thời, đầy đủ theo hình thức gián tiếp: các đơn vị được kiểm soát gửi hồ sơ, tài liệu, bằng chứng chứng minh đã thực hiện các kiến nghị hoặc giải trình chi tiết những khó khăn, vướng mắc dẫn đến việc chưa thực hiện.

*b. Kiểm soát chất lượng hoạt động KSNB*

Trưởng đoàn công tác và Lãnh đạo Ban KSNB phụ trách thực hiện việc soát xét lại nhằm đảm bảo tính hoàn chỉnh của công việc, tính nhất quán và tính toàn diện của cuộc kiểm soát phù hợp với kế hoạch kiểm soát.

Trưởng Ban KSNB chịu trách nhiệm xây dụng và duy trì chương trình quản lý chất lượng bao trùm toàn bộ các khía cạnh của Ban KSNB đồng thời thực hiện giám sát thường xuyên tính hiệu quả của chương trình kiểm soát.

***2.2.2. Tại các đơn vị thành viên***

Qua khảo sát thực tế tại 13 đơn vị, chỉ có 01/13 đơn vị (chiếm 7,7%) có tổ chức KTNB; có 04/13 đơn vị (chiếm 30,8%) thành lập Ban KSNB tương tự như tại Công ty mẹ SDC; còn lại 8 đơn vị không có bộ phận thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát chuyên trách.

*2.2.2.1. Tổ chức bộ máy thực hiện chức năng KTNB*

*a. Mô hình tổ chức bộ máy*

Công ty cổ phần Sông Đà 5 là đơn vị duy nhất có thành lập Phòng Quản trị rủi ro và KTNB trực thuộc Ban TGĐ.

- Đối với 04/13 đơn vị đã thành lập Ban KSNB: 03/4 đơn vị Ban KSNB trực thuộc HĐQT; 01/4 đơn vị có Ban KSNB trực thuộc Ban TGĐ. Các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn... của Ban KSNB tại 04 đơn vị này không có sự khác biệt lớn so với Ban KSNB tại Công ty mẹ.

- Đối với 8 đơn vị chưa thành lập bộ phận KTNB, KSNB thì nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát được giao cho các bộ phận thực hiện nghiệp vụ.

*b. Nhân sự thực hiện chức năng KTNB*

Đối với các đơn vị đã thành lập bộ phận KTNB và KSNB, định biên lao động được quy định từ 03-05 người, tuy nhiên việc xây dựng định biên lao động chưa có phương pháp thống nhất, nhân sự thuộc bộ phận KTNB/KSNB đều do TGĐ quyết định tiếp nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm.

*2.2.2.2. Về tổ chức hoạt động của các bộ phận thực hiện chức năng KTNB*

*a. Quy trình thực hiện chức năng KTNB*

*Tại các đơn vị có thành lập bộ phận KTNB*

Tại Công ty cổ phần Sông Đà 5 (Sông Đà 5) đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa ban hành Quy trình kiểm toán, Sổ tay kiểm toán, hệ thống mẫu biểu, hồ sơ kiểm toán...

*Tại các đơn vị có thành lập bộ phận Kiểm soát nội bộ*

Cả bốn đơn vị đều đã xây dựng, ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban KSNB, tuy nhiên Quy trình, Sổ tay kiểm soát chưa được ban hành mà vận dụng Quy trình, Sổ tay do Ban KSNB TCT ban hành.

*Tại các đơn vị không có bộ phận thanh, kiểm tra chuyên trách.*

Các cuộc kiểm tra này diễn ra không thường xuyên, cán bộ thực hiện kiểm tra cũng không phải cán bộ chuyên trách, các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chỉ được đề cập đến trong quyết định thành lập đoàn kiểm tra. Các bước thực hiện kiểm tra trực tiếp tại đơn vị cũng chưa được ban hành cụ thể nên kết quả kiểm tra phụ thuộc nhiều vào trình độ của cán bộ trực tiếp kiểm tra tại đơn vị.

*b. Hoạt động giám sát, quản lý chất lượng trong quá trình thực hiện các chức năng của KTNB*

Các đơn vị này đã bước đầu thực hiện công tác KSCL thông qua việc rà soát nội dung báo cáo có đáp ứng được các mục tiêu, nội dung... đã đề ra hay không. Tuy nhiên, qua khảo sát, trong 05 đơn vị đã thành lập KTNB, KSNB thì chưa có đơn vị nào ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn các bước thực hiện KSCL.

**2.3. Đánh giá kết quả thực hiện chức năng KTNB trong TCT Sông Đà**

***2.3.1. Những kết quả đã đạt được***

*2.3.1.1. Về tổ chức bộ máy thực hiện chức năng KTNB*

*Thứ nhất,* Công tác kiểm tra, kiểm soát đã được các nhà quản lý coi trọng và bước đầu thể hiện được vai trò của mình trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

*Thứ hai,* Quy định về chức năng, nhiệm vụ và nội dung hoạt động kiểm tra, kiểm soát đã được xây dựng tương đối sát với lý thuyết về KTNB, cụ thể:

- Về chức năng: được quy định với ba chức năng cơ bản là kiểm tra, đánh giá và tư vấn;

- Về nhiệm vụ: kiểm tra, đánh giá độ tin cậy, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB; kiểm tra, thẩm định tính xác thực, độ tin cậy của các thông tin quản lý, thông tin tài chính; kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ luật pháp và quy định nôi bộ…

- Về nội dung: Nội dung kiểm tra, kiểm soát đã hướng tới việc đánh giá tính tuân thủ pháp luật, quy định nôi bộ và tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của các hoạt động.

*Thứ ba,* Ban KSNB hoạt động dưới sự chỉ đạo, báo cáo trực tiếp với HĐTV (tại Công ty mẹ TCT) hoặc HĐQT (tại 04 đơn vị thành viên đã tạo điều kiện nâng cao vị thế, quyền hạn và tính độc lập, khách quan của Ban KSNB.

*Thứ tư,* Phần lớn nhân sự trực thuộc bộ phận KTNB, KSNB là những cán bộ có thâm niên công tác, am hiểu sâu về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của TCT.

*2.3.1.2. Về tổ chức hoạt động khi thực hiện chức năng KTNB*

*Thứ nhất,* Về cơ bản quy trình KTNB, KSNB đã được xây dựng mặc dù chưa thật chi tiết, đề cập được những bước triển khai hoạt động KTNB, KSNB tại Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên.

*Thứ hai,* Hoạt động KSNB bước đầu đã tiếp cận theo phương pháp đánh giá rủi ro.

*Thứ ba,* Đề ra và phân tích tương đối chi tiết hai phương pháp thực hiện kiểm soát là phương pháp kiểm soát cơ bản và phương pháp kiểm soát tuân thủ. Về cơ bản, các phân tích đã đưa ra có nội dung tương đồng với lý thuyết kiểm toán.

*Thứ tư,* Ưu điểm từ việc lập BCKS trên cơ sở BBKS: đảm bảo đủ cơ sở pháp lý, gắn trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị được kiểm soát với nội dung nêu trong BBKS, đảm bảo tính kịp thời trong quá trình cung cấp thông tin về kết quả kiểm soát với HĐTV hoặc HĐQT.

*Thứ năm,* Hoạt động kiểm tra thực hiện kiến nghị, lưu trữ hồ sơ và giám sát, quản lý chất lượng KSNB đã được quy định và bước đầu triển khai.

***2.3.2. Những tồn tại và hạn chế***

*2.3.2.1. Về tổ chức bộ máy thực hiện chức năng KTNB*

*Thứ nhất,* Bộ phận KTNB chưa được tổ chức đầy đủ tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

*Thứ hai,* Lý thuyết KTNB chưa được phổ biến rộng rãi và hiểu biết đầy đủ, chưa phân biệt được sự khác nhau giữa KTNB và KSNB.

*Thứ ba, C*án bộ làm công tác KSNB, KTNB chưa được đào tạo chuyên ngành về kiểm toán hoặc có chứng chỉ KTVNB.

*Thứ tư,* Việc TGĐ bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo, thành viên Ban KSNB tại công ty mẹ chưa đảm bảo tính độc lập khách quan.

*Thứ năm,* Công tác xây dựng định biên lao động còn chưa dựa trên cơ sở số đầu mối, khối lượng công việc, chưa có cơ sở khoan học;

*Thứ sáu,* Chưa có cơ chế chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp đối với các cán bộ làm công tác KSNB, KTNB.

*Thứ bảy,* Chưa xây dựng bảng mô tả công việc, tiêu chuẩn chức danh đối với cán bộ KSNB, KTNB.

*2.3.2.2. Về tổ chức thực hiện chức năng KTNB*

*Thứ nhất,* Nội dung KSNB, KTNB chưa chú trọng đến việc đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực trong việc sử dụng các nguồn lực, các quyết định quản lý, điều hành; chưa tiến hành kiểm toán, kiểm soát trước.

*Thứ hai,* Chưa ban hành hướng dẫn chi tiết kiểm soát, kiểm toán những nội dung cụ thể.

*Thứ ba,* Kế hoạch KSNB, KTNB hàng năm mới chỉ được lập 1 chiều, chưa tiến hành lấy ý kiến của đơn vị đc kiểm soát còn mang nặng tính chất thủ tục hành chính.

*Thứ tư,* Việc hướng KSNB, KTNB tiếp cận trên cơ sở phân tích rủi ro còn hạn chế.

*Thứ năm,* Thời gian thực hiện kiểm soát, kiểm toán ngắn khó đảm bảo chất lượng các nội dung đã đề ra.

*Thứ sáu,* Việc kiểm tra thực hiện kiến nghị KSNB, KTNB còn chưa chủ động và kịp thời; chưa có quy định xử lý các đơn vị cố tình không thực hiện.

*Thứ bẩy,* Chưa xây dựng và ban hành hệ thống hồ sơ mẫu biểu KSNB, KTNB.

*Thứ tám,* Chưa xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát chất lượng KSNB, KTNB.

***2.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại và hạn chế***

*2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan*

*Thứ nhất,* Lịch sử hình thành và phát triển kiểm toán nói chung và KTNB nói riêng ở Việt Nam.

*Thứ hai,* Hệ thống văn bản pháp lý về KTNB còn chưa đầy đủ.

*Thứ ba,* Hệ thống chuẩn mực KTNB chưa được ban hành và chưa có hiệp hội nghề nghiệp của các KTVNB.

*Thứ tư,* Lý thuyết về KTNB chưa được thực sự phổ biến; các đơn vị thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ KTNB còn ít.

*2.3.3.2. Những nguyên nhân chủ quan*

*Thứ nhất,* Nhận thức chưa đầy đủ của nhà quản trị và các bộ phận có liên quan về tổ chức, hoạt động KTNB.

*Thứ hai,* Công tác tổ chức cán bộ KTNB, KSNB còn nhiều hạn chế.

Công tác xây dựng định biên lao động cho bộ phận KTNB, KSNB tại TCT và các đơn vị thành viên chưa được chú trọng và chưa khoa học; chưa có phương pháp xây dựng cụ thể. Cán bộ KTNB, KSNB chưa được đào tạo bài bản về kiểm toán, KTNB.

*Thứ ba,* Tổ chức hoạt động KTNB, KSNB còn thiếu tính chuyên nghiệp.

*Thứ tư,* Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động KSNB, KTNB còn hạn chế.

**KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

**CHƯƠNG 3**

**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

**TRONG TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**3.1. Định hướng chiến lược phát triển Tổng công ty Sông Đà và vấn đề đặt ra đối với việc hoàn thiện tổ chức kiểm toán nội bộ.**

***3.1.1. Định hướng chiến lược phát triển Tổng công ty Sông Đà giai đoạn 2016-2020***

***3.1.2. Những vấn đề đặt ra đối với việc hoàn thiện tổ chức KTNB trong TCT Sông Đà***

*Thứ nhất,* Nâng cao hiểu biết của lãnh đạo, cán bộ trong Tổng công ty về KTNB trong đó đề cao những giá trị mà KTNB mang lại, sự cần thiết phải thành lập và vận hành hiệu quả bộ phận KTNB;

*Thứ hai,* Quá trình tái cơ cấu mô hình tổ chức đặt ra yêu cầu đối với bộ phận KTNB gồm: (1) Xác định rõ vị trí, mô hình tổ chức KTNB hoạt động có hiệu quả, không chồng chéo, phát huy tối đa tính độc lập, khách quan; (2) Thực hiện kiểm toán chuyên sâu theo 03 nhóm ngành, nghề sản xuất kinh doanh của TCT, cùng với đó là yêu cầu số lượng, chất lượng chuyên môn của các KTVNB;

*Thứ ba,* Kiểm toán hướng tập trung đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực các hoạt động của TCT và các đơn vị thành viên;

*Thứ tư,* Bộ phận KTNB hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp hướng đến hoàn thiện hệ thống KSNB, công tác QTRR đồng thời nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp phù hợp với thông lệ quản trị quốc tế.

**3.2. Nguyên tắc và định hướng hoàn thiện tổ chức kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty Sông Đà.**

***3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức KTNB tại Tổng công ty Sông Đà***

*Thứ nhất,* Hoàn thiện KTNB phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

*Thứ hai,* Hoàn thiện KTNB phải phù hợp với đặc thù và chiến lược phát triển của TCT Sông Đà

*Thứ ba,* Tổ chức KTNB phải đảm bảo tính kinh tế, hiệu quả.

***3.2.2. Định hướng hoàn thiện tổ chức kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty Sông Đà***

*Thứ nhất,* Kiểm toán nội bộ phải đáp ứng được nhu cầu thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành, tập trung chủ yếu vào kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ.

Thứ hai, Hoàn thiện KTNB theo hướng linh hoạt trong tổ chức bộ máy, chuyên nghiệp trong hoạt động

*Thứ ba*, Hoàn thiện KTNB phù hợp với thông lệ quốc tế đặc biệt là thay đổi phương pháp tiếp cận KTNB trên cơ sở phân tích rủi ro.

**3.3. Các giải pháp hoàn thiện tổ chức kiểm toán nội bộ trong Tổng công ty Sông Đà**

***3.3.1. Nâng cao nhận thức về KTNB trong Tổng công ty Sông Đà***

Có thể thực hiện thông qua việc tổ chức các buổi hội thảo; lớp tập huấn, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức về KTNB, trao đổi kinh nghiệm quản trị hiện đại trong đó đi sâu vào chức năng, nhiệm vụ và giá trị mà KTNB mang lại.

***3.3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ***

*3.3.2.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy KTNB*

*a. Tại Công ty mẹ Tổng công ty Sông Đà*

Thành lập Ban KTNB trực thuộc HĐQT, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban kiểm toán. Theo đó, có thể chuyển đổi/sáp nhập Ban KSNB hiện tại vào Ban KTNB trên cơ sở quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ của KTNB với các bộ phận có liên quan.

Ban hành Quy chế KTNB với một số nội dung cơ bản như sau:

*Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của KTNB*

- Chức năng chủ yếu của KTNB đó là: kiểm tra, đánh giá và tư vấn.

- Nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu của KTNB: KTNB là bộ phận giúp việc HĐQT, hoạt động vì lợi ích của chủ sở hữu nhà nước, nhiệm vụ cơ bản nhất của KTNB là đánh giá tính tuân thủ, tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực trong sử dụng các nguồn lực của TCT. Cần trao cho KTNB một quyền hạn đủ lớn như: được tiếp cận không giới hạn tất cả các tài liệu, cá nhân, tập thể có liên quan đến hoạt động kiểm toán theo kế hoạch đã được HĐQT/Ủy ban kiểm toán phê duyệt.

*Về mối quan hệ của KTNB với các bộ phận khác*

KTNB là cấp dưới trực tiếp của HĐQT, Ủy ban kiểm toán. Tổ chức, hoạt động của KTNB do HĐQT quyết định và báo cáo kết quả cho HĐQT thông qua Ủy ban kiểm toán.

Ngoài ra, mối quan hệ của KTNB với các bộ phận khác tại Công ty mẹ TCT; các công ty con; người đại diện phần vốn tại các công ty liên kết cũng cần được quy định rõ ràng, cụ thể để quá trình thực hiện kiểm toán có sự thống nhất, phối hợp giữa KTNB và đơn vị được kiểm toán.

*Về tính độc lập khách quan và quy tắc đạo đức, ứng xử của KTNB*

Xây dựng quy tắc về tính độc lập, khách quan; bộ quy tắc đạo đức của KTV áp dụng thống nhất toàn TCT và yêu cầu các KTV ký cam kết tuân thủ tuyệt đối các quy tắc đã đề ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.

*b. Tại các đơn vị thành viên*

Bộ phận KTNB nếu được tổ chức tại các đơn vị thành viên sẽ sử dụng mô hình KTNB tập trung (chỉ thành lập tại trụ sở chính) và trực thuộc HĐQT. Tùy theo quy mô, các đơn vị có thể thành lập Ủy ban kiểm toán hoặc bố trí một thành viên HĐQT không chuyên trách, độc lập phụ trách hoạt động KTNB. Các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tính độc lập, khách quan, quy tắc đạo dức, ứng xử của KTNB có thể áp dụng tương tự tại Công ty mẹ hoặc tùy biến cho phù hợp với tình hình thực tế.

*3.3.2.2. Hoàn thiện tổ chức nhân sự KTNB*

*Thứ nhất,* Xây dựng phương pháp tính định biên lao động của bộ phận KTNB.

Xây dựng mô hình tính định biên lao động bộ phận KTNB trên cơ sở các yếu tố đầu vào như: tần suất thực hiện kiểm toán; số ngày thực hiện kiểm toán của mỗi cuộc kiểm toán; nhân sự thực hiện kiểm toán; số cuộc kiểm toán đột xuất; số lượng lãnh đạo quản lý; các hoạt động giám sát thường xuyên khác. Với các giả thiết đưa ra, định biên lao động của bộ phận KTNB tại Công ty mẹ là 12 người, trong đó có 02 vị trí lãnh đạo (01 Trưởng KTNB, 01 Phó trưởng KTNB).

*Thứ hai,* Tuyển dụng, bổ nhiệm và các chế độ đãi ngộ của cán bộ KTNB.

Viêc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các chế độ đãi ngộ đối với Trưởng KTNB và các thành viên khác của KTNB phải do HĐQT quyết định.

*Thứ ba,* Yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm của KTVNB

*Thứ tư,* Xây dựng bản mô tả công việc, tiêu chuẩn chức danh.

Bản mô tả công việc, tiêu chuẩn chức danh bao gồm các nội dung: nhiệm vụ; quyền hạn; ngạch lương; mối quan hệ; tóm tắt công việc của chức danh; nội dung chi tiết công việc của chức danh; tiêu chuẩn chức danh (bao gồm: trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng và phẩm chất khác).

***3.3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức hoạt động KTNB***

*3.3.3.1. Hoàn thiện quy trình KTNB tập trung chủ yếu vào loại hình kiểm toán hoạt động với phương pháp tiếp cận KTNB trên cơ sở phân tích rủi ro*

Quy trình KTNB do HĐQT hoặc Ủy ban kiểm toán phê duyệt, ban hành theo đề xuất của Trưởng KTNB. Quy trình gồm 04 giai đoạn: Chuẩn bị kiểm toán; Thực hiện kiểm toán; Kết thúc kiểm toán; Theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

*a. Giai đoạn 1: Chuẩn bị kiểm toán*

Nhiệm vụ chính của KTNB là tiến hành khảo sát, thu thập bổ sung, cập nhật thông tin để lập KHKT năm và KHKT chi tiết của từng cuộc kiểm toán. Trong giai đoạn này, mô hình đánh giá, xếp loại rủi ro bao gồm các bước:

*Bước 1: Thu thập thông tin*

KTNB sử dụng phương pháp phù hợp để thu thập các thông tin liên quan đến đối tượng kiểm toán như: môi trường kinh tế, chính trị, xã hội, pháp lý; quy hoạch, kế hoạch phát triển giai đoạn tiếp theo; sự thay đổi bộ máy, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; tình hình đầu tư XDCB...

Bước 2: Chấm điểm rủi ro theo nhóm yếu tố

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, KTNB tiến chấm điểm rủi ro đối với từng đối tượng kiểm toán. Bảng chấm điểm rủi ro được chia theo từng nhóm ngành (ngành EPC, ngành điện, ngành phát triển nhà ở và đô thị) do đặc thù của mỗi ngành là khác nhau và chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau.

Bước 3: Chấm điểm rủi ro tổng thể

 Trên cơ sở chấm điểm rủi ro theo các yếu tố, KTNB tiến hành chấm điểm rủi ro tổng thể toàn doanh nghiệp thông qua việc xác định mức trọng số của từng nhóm chỉ tiêu. Trên cơ sở đặc thù sản xuất kinh doanh của nhóm ngành nghề, KTNB xây dựng mức trọng số phù hợp để quy đổi điểm rủi ro theo nhóm yếu tố thành rủi ro tổng thể của doanh nghiệp.

Bước 4: Xếp hạng rủi ro

Từ kết quả chấm điểm rủi ro tổng thể ở bước 3, KTNB xếp hạng rủi ro đối với các đơn vị, chủ đề, hoạt động được kiểm toán. Hạng rủi ro có thể được chia thành: cao, thấp và trung bình, mỗi hạng sẽ tương ứng với một khoảng điểm như: rủi ro thấp từ 0 - 40 điểm; rủi ro trung bình từ 40-70 điểm; rủi ro cao từ 70 - 100 điểm).

Căn cứ vào kết quả xếp loại, khi lập KHKT năm, KTNB xác định đơn vị được kiểm toán, tần suất thực hiện kiểm toán; khi lập KHKT chi tiết, KTNB xác định được hoạt động/nhóm hoạt động trong doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro cao để tập trung thời gian, nhân lực thực hiện kiểm toán.

Đối với việc lập KHKT chi tiết, trên cơ sở kết quả đánh giá giá rủi ro, KTNB thiết kế các thủ tục, phương pháp kiểm toán phù hợp; lựa chọn chủ đề kiểm toán; xác định mục tiêu, nội dung kiểm toán; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá đối với cuộc kiểm toán hoạt động... và tiến hành hoàn thiện kế hoạch kiểm toán chi tiết.

**b. Giai đoạn 2: Thực hiện kiểm toán**

Khi thực hiện kiểm toán, các KTVNB phải tuân thủ, áp dụng đầy đủ các phương pháp, thủ tục kiểm toán đã được đề ra trong KHKT chi tiết. Nếu có phát sinh rủi ro hoặc các yếu tố ngoài KHKT thì KTV phải báo cáo ngay với Trưởng đoàn kiểm toán để có biện pháp xử lý kịp thời.

**c. Giai đoạn 3: Kết thúc kiểm toán**

Giai đoạn này gồm bốn bước: (1) Tổng hợp kết quả kiểm toán, lập dự thảo Biên bản kiểm toán; (2) Trao đổi, thảo luận với đơn vị được kiểm toán, hoàn thiện dự thảo Biên bản kiểm toán; (3) Họp thông qua Biên bản kiểm toán; (4) Lập, phát hành Báo cáo kiểm toán.

**d. Giai đoạn 4: Theo dõi, kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán**

KTNB yêu cầu đơn vị được kiểm toán báo cáo tình hình thực hiện và các bằng chứng chứng minh việc thực hiện các kiến nghị kiểm toán.

*3.3.3.2. Hoàn thiện sổ tay kiểm toán nội bộ*

Đối với mỗi nội dung kiểm toán có thể biên tập theo hướng: (1) Yêu cầu hồ sơ tài liệu phục vụ kiểm toán; (2) Phương pháp kiểm toán; (3) Các sai sót thường gặp; (4) Đánh giá công tác quản trị. Mỗi nhóm nội dung nên trình bày xuyên suốt để đảm bảo tính thống nhất cao, dễ tra cứu trong quá trình thực hiện kiểm toán.

*3.3.3.3. Hoàn thiện tổ chức, hoạt động kiểm soát chất lượng KTNB*

TCT cần ban hành quy định rõ một số nội dung sau: Mục đích của hoạt động KSCL; Nguyên tắc tổ chức, hoạt động KSCL; Xây dựng và tổ chức hệ thống KSCL.

Công tác KSCL KTNB cần được thực hiện từ giai đoạn chuẩn bị kiểm toán đến giai đoạn kết thúc kiểm toán. Hệ thống KSCL kiểm toán phải được rà soát, đánh giá định kỳ để đảm bảo phát huy hiệu quả.

*3.3.3.4. Hoàn thiện hệ thống hồ sơ, mẫu biểu KTNB*

Hệ thống hồ sơ mẫu biểu kiểm toán được xây dựng với mục đích giúp bộ phận KTNB ghi chép lại quá trình làm việc từ khâu lập KHKT năm đến khi lưu trữ hồ sơ kiểm toán; chuẩn hoá, nâng cao tính chuyên nghiệp cho hoạt động kiểm toán; bảo sự thống nhất, đầy đủ của các hồ sơ, tài liệu, bằng chứng kiểm toán đồng thời thuận lợi trong công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán, công tác lưu trữ, tra cứu tài liệu khi cần thiết.

**3.4. Các kiến nghị, các điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty Sông Đà.**

***3.4.1. Về phía Nhà nước và các cơ quan chức năng.***

*Thứ nhất,* Chính phủ giao Bộ Tài chính xây dựng và ban hành chế tài xử lý đối với doanh nghiệp không thực hiện đúng các nội dung về KTNB theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP. Trong đó đặc biệt chú ý đến chế tài xử lý người đại diện phần vốn nhà nước tại các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối.

*Thứ hai,* Bộ Tài chính nghiên cứu, sớm hoàn thiện hệ thống quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động KTNB bao gồm: Thành lập hội nghề nghiệp KTNB; Ban hành hệ thống chuẩn mực KTNB và quy tắc đạo đức nghề nghiệp phù hợp với thông lệ quốc tế; Chuẩn hóa phương pháp KTNB, ban hành quy chế mẫu về KTNB để các đơn vị làm cơ sở xây dựng Quy chế KTNB của đơn vị mình; tổ chức bồi dưỡng, cấp chứng chỉ KTVNB.

*Thứ ba,* Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng hệ thống mẫu biểu, bộ tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động KTNB tại các doanh nghiệp, tránh tình trạng tổ chức hoạt động KTNB mang tính đối phó, không phát huy được hết mục tiêu của Nghị định số 05/2019/NĐ-CP, không tăng cường tính minh bạch trên thị trường chứng khoán.

*Thứ tư,* Bộ Giáo dục và Đào tạo và khối các trường đại học, học viện chuyên ngành kinh tế nghiên cứu sớm đưa KTNB vào chương trình đào tạo.

***3.4.2. Về phía Tổng công ty Sông Đà***

*Thứ nhất,*Nâng cao nhận thức của nhà quản trị và cán bộ chủ chốt về KTNB.

*Thứ hai,*Thành lập bộ phận KTNB tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên hoạt động trong nhóm ngành tiềm ẩn rủi ro cao gồm: Nghành tổng thầu xây lắp và tổng thầu EPC; ngành phát triển nhà ở và đô thị.

**KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

**KẾT LUẬN**

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án đã cụ thể hóa, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về KTNB trong doanh nghiệp; Phân tích vai trò, chức năng, nhiệm vụ của KTNB trong doanh nghiệp; xem xét KTNB theo hai theo hai khía cạnh là tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động; hệ thống hóa quy trình KTNB trong doanh nghiệp. Qua khảo sát tại Công ty mẹ và 13 doanh nghiệp thuộc TCT Sông Đà, tác giả đã phân tích để thấy được rõ nét nhất thực trạng tổ chức và hoạt động KTNB tại TCT theo các yếu tố: Tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động KTNB. Từ đó, tác giả đã khát quát được ưu điểm và những mặt còn tồn tại của KTNB, đồng thời đi sâu phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến những tồn tại, hạn chế này. Những đánh giá trên là cơ sở đưa ra đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức KTNB trong TCT Sông Đà.

Để có thể triển khai các giải pháp một cách hữu hiệu, luận án cũng đưa ra một số kiến nghị cơ bản tới Nhà nước, các cơ quan chức năng và TCT Sông Đà nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng và vận hành KTNB.

Trong quá trình nghiên cứu, mặc dù Tác giả đã có nhiều cố gắng song Luận án không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định, tác giả rất mong nhận được sự đống góp của các thầy cô, bạn bè, đồng nghiệp để luận án được hoàn thiện và phong phú hơn, có giá trị về lý luận và thực tiễn cao hơn.

**Xin trân trọng cảm ơn!**